TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HN-ST
Ngày: 05/11/2018
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Sử

- Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Dương Minh Dũng

2. Bà Phạm Thị Thiện

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Thái – Thư ký Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 429/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 904/2018/QĐST-HN ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2018/QĐST-HN ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị N**, sinh năm 1991 *(có mặt)*

ĐKHKTT: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

***** Bị đơn: Ông **Trần Quốc B**, sinh năm 1984 *(vắng mặt)*

ĐKHKTT: KV3, phường A, quận N, Tp Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 11/7/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày: Giữa bà và ông Trần Quốc B tự nguyện tiến đến hôn nhân ngày 18/3/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ. Sau khi kết hôn bà về chung sống với gia đình bên chồng đến

năm 2017 thì bà về nhà mẹ bà sống cho đến nay. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông bà phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B hay uống rượu bia, không chăm sóc, lo lắng cho cuộc sống gia đình, Nều lần hành hung bà, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên hiện tại ông bà không còn sống chung với nhau. Bà không còn tình cảm với ông B nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quốc B.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà và ông Trần Quốc B có 01 con chung tên Trần Huỳnh A (nam), sinh ngày 27/12/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Trần Quốc B cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Trần Quốc B:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được ly hôn với ông Trần Quốc B, về tài sản chung và nợ chung bà khẳng định là không có. Về cháu A, bà trình bày từ nhỏ cháu sống cùng bà, sau đó bà mang cháu về Trà Vinh sống sau khi ly thân, ông B qua Trà Vinh nói mang con về Cần Thơ chơi thì từ đó không cho bà gặp mặt, không cho cháu A được đi học, ông B Nều lần nhắn tin cho bà yêu cầu bà đưa tiền thì mới cho bà được nuôi cháu A, hiện bà có đủ khả năng kinh tế để nuôi cháu A và muốn cháu được có tình thương của mẹ, được học hành đàng hoàng nên yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu ông B cấp dưỡng, bà cam kết sẽ tạo điều kiện cho ông B được thăm con mà không ngăn cản.

Bị đơn ông Trần Quốc B vắng mặt tại phiên tòa nên không thể hiện ghi nhận được ý kiến đối với vụ án và lời trình bày của bà N.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Thư ký, người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn với ông Trần Quốc B. Về con chung, đề nghị giao con

chung tên Trần Huỳnh A (nam), sinh ngày 27/12/2014 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, do bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về quan hệ pháp luật bên tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc B. Giữa bà Huỳnh Thị N và ông Trần Quốc B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nên xem là hôn nhân hợp pháp. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại 44/12, KV3, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ. Bà N và ông Trần Quốc B chung sống với nhau không hạnh phúc, bà Huỳnh Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Quốc B nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Trần Quốc B tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Nếu lần nhưng ông đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông là phù hợp.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Trần Quốc B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung vụ án:*

- *Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông Trần Quốc B chung sống với nhau thì phát sinh Nều mâu thuẫn, chủ yếu do ông Trần Quốc B hay uống rượu, không lo làm ăn, không chăm sóc cho vợ con, Nều lần hành hung đối với bà N, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Sau đó bà và ông Trần Quốc B đã ly thân từ 2017 đến nay, bà về nhà cha mẹ ruột ở Trà Vinh sống từ năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong*

gia đình" nhưng theo lời trình bày của bà N thì từ khi vợ chồng không sống chung tới nay, ông Trần Quốc B không đến thăm hỏi, chăm sóc cho bà. Tòa án đã Nếu lần triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Quốc B nhằm hòa giải, tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm với nhau nhưng ông Trần Quốc B vẫn vắng mặt không lý do, thể hiện ông không thật sự muốn hàn gắn tình cảm với bà N.

Xét trên thực tế bà N và ông Trần Quốc B đã sống ly thân. Nhận thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà N và ông Trần Quốc B đã rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục cũng không đem lại hạnh phúc cho bà N và ông Trần Quốc B. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

- *Về con chung:* Bà N trình bày giữa bà với ông Trần Quốc B chung sống có 01 con chung tên Trần Huỳnh A (nam), sinh ngày 27/12/2014, ngoài ra không còn con chung nào khác. Bà trình bày sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, bà mang con về cùng sinh sống ở Trà Vinh thì ông B đến mang cháu về Cần Thơ nhưng ông B lại không cho cháu được đi học, không cho bà đến thăm nom, chăm sóc, hiện bà đã đăng ký cho cháu đi học ở Trà Vinh. Nên bà N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Trần Quốc B cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: Qua lời trình bày của bà N thấy rằng cháu A đang do ông B chăm sóc. Tuy Nên, theo lời trình bày của bà N, từ khi ông B chăm sóc cháu A đến nay, bà N không được đến thăm nom con, ông B đã không tạo điều kiện cho bà N được thăm hỏi cháu A, cùng với đó bà N đã cung cấp các nội dung tin nhắn của ông B, qua đó thể hiện ông B đã có ý kiến ngăn cản việc chăm sóc, thăm hỏi của bà N đối với cháu A, đồng thời ông B cũng biết việc bà N khởi kiện ly hôn tại Tòa án, ông B cũng Nều lần yêu cầu bà N phải đưa cho ông một số tiền thì sẽ giao cháu A cho bà N nuôi dưỡng. Vả lại ông Trần Quốc B không đến tham gia phiên tòa nên không có ý kiến thừa nhận hay phản đối với lời trình bày của bà N nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận lời trình bày của bà N. Nhận thấy, quyền của cha, mẹ đối với con cái là thiêng liêng, không ai được ngăn cản việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục giữa cha, mẹ đối với con, việc ông B ngăn cản việc chăm sóc, thăm nom con của bà N đã vi phạm nghiêm trọng đến quyền làm mẹ của bà N. Hơn nữa, qua lời trình bày của bà N, hiện cháu A chưa được đi học tại cơ sở giáo dục nào, hiện ông B chưa có nghề nghiệp ổn định. Hội đồng xét xử nhận thấy nhằm đảm B quyền lợi mọi mặt cho cháu A, nhằm đảm B cho cháu được phát triển tốt về mọi mặt nên thấy rằng giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm B được cho cháu A về việc phát

triển thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của bà N.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái (con chung) là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông Trần Quốc B) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Do bà N không yêu cầu ông Trần Quốc B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do vụ án xét xử vắng mặt bị đơn nên chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn về việc không có tài sản chung và không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Từ những nhận điịnh trên, cho thấy đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều là phù hợp nên ghi nhận.

* *Về án phí:* Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* ***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Thị N được ly hôn với ông Trần Quốc B.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Huỳnh A (nam), sinh ngày 27/12/2014 cho bà Huỳnh Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà N không yêu cầu ông Trần Quốc B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho ông Trần Quốc B, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Huỳnh Thị N cho rằng không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Huỳnh Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001583 ngày 24/7/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ thành án phí. Bà N đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- TAND TPCT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Sử